TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST Ngày: 30/12/2025 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thật và bà Nguyễn Thị Thuý Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực x – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực x – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 158/2025/TLST - HNGĐ ngày 27/10/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Chị Phạm Thị H, sinh năm 2002; nơi thường trú và nơi cư trú: Thôn x, xã B, tỉnh Ninh Bình; (có mặt)

* **Bị đơn**: Anh Dương Văn H1, sinh năm 1998; nơi thường trú và nơi cư trú: Thôn x, xã B, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[I] Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Phạm Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Dương Văn H1 vào ngày 22/06/2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 9/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong mọi việc, từ việc sinh hoạt vợ chồng đến cách nuôi dạy các con, không ai chịu nhường nhịn ai dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Hai người thường xảy ra to tiếng, cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 9/2025, do anh H1 đã đánh chị nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ

đẻ ở; anh H1 có đến tìm nhưng chị không về chung sống cùng anh H1 nữa; từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh H1 không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1 để sớm ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Chị và anh H1 có 02 con chung là cháu Dương Đức H2, sinh ngày 01/6/2021 và cháu Dương Đình L, sinh ngày 26/8/2022. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh H1 tại nhà ông bà nội, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn, chị đề nghị Toà án giao cháu L cho chị nuôi dưỡng, giao cháu H2 cho anh H1 nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị và anh H1 không có con nuôi, không ai có con riêng và hiện tại chị không có thai. Chị đang làm nghề may tự do, thu nhập khoảng 10.000.000đồng/tháng.

3. **Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn**: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[II] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Dương Văn H1 trình bày:

1. **Về hôn nhân**: Anh và chị Phạm Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/06/2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến khoảng cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; chị H tính tình ngang bướng; mỗi khi anh nói thì chị H không nghe nên trong lúc nóng giận anh có đánh chị H. Đầu tháng 9/2025 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và anh có tát chị H một cái thì chị H về nhà bố mẹ đẻ ở; anh đã chủ động đến tìm nhưng chị H kiên quyết không về chung sống cùng anh nên vợ chồng sống ly thân từ đó.

Nay anh xác định mặc dù tình cảm vợ chồng với chị H không còn nhưng anh không muốn các con sống thiếu bố hoặc thiếu mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

2. **Về con chung**: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Dương Đức H2, sinh ngày 01/6/2021 và cháu Dương Đình L, sinh ngày 26/8/2022. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh tại nhà ông bà nội, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn, anh đề nghị Toà án giao cháu H2 và cháu L cho anh nuôi dưỡng; anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Anh xác định anh và chị H không có con nuôi, không ai có con riêng. Hiện nay anh đang làm nghề mộc tự do, thu nhập khoảng 15.000.000đồng/tháng.

3. **Về tài sản riêng, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy theo**

tiêu chuẩn), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề này trong việc anh quyền kiện ly hôn chị.

[3] Tại phiên tòa chị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bày; cụ thể: Chị H đề nghị được ly hôn anh H1; về con chung chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu L và để anh H1 nuôi dưỡng cháu H2; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các vấn đề khác, chị H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H1 vắng mặt nên không có phần trình bày.

[4] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực x – Ninh Bình có quan điểm:

* Về tố tụng, Toà án nhân dân khu vực x – Ninh Bình thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H. Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Dương Văn H1.

- Về con chung: Giao cháu Dương Đức H2, sinh ngày 01/6/2021 cho anh H1 nuôi dưỡng, giao cháu Dương Đình L, sinh ngày 26/8/2022 cho chị H nuôi dưỡng. Chị H, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"; bị đơn – anh Dương Văn H1 có nơi thường trú và cư trú tại thôn x, xã B, tỉnh Ninh Bình, do vậy Tòa án nhân dân khu vực x – Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh Dương Văn H1 đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Dương Văn H1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 22/06/2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Ninh Bình.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 9/2025 và chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh H1 đến tìm nhưng chị H không về chung sống cùng anh H1 nữa; cũng từ thời gian này đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn chị H đề nghị ly hôn anh H1 để sớm ổn định cuộc sống. Anh H1 không nhất trí ly hôn chị H.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét thấy cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn; việc anh H1 không đồng ý ly hôn là chỉ không muốn con sống thiếu cha hoặc thiếu mẹ, tuy nhiên anh không có việc làm gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy khả năng anh chị về đoàn tụ là không còn; xử cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Dương Văn H1 có 02 con chung là cháu Dương Đức H2, sinh ngày 01/6/2021 và cháu Dương Đình L, sinh ngày 26/8/2022.

Xét thấy việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha mẹ; chị H, anh H1 có thu nhập và điều kiện sinh hoạt tương đương nhau; nơi ở của hai người cũng không cách nhau quá xa nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H; giao cháu Dương Đình L cho chị H nuôi dưỡng, giao cháu Dương Đức H2 cho anh H1 nuôi dưỡng. Chị H, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H, anh H1 đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị H, anh H1 xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Dương Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Đức H2, sinh ngày 01/6/2021 cho anh H1 nuôi dưỡng. Giao cháu Dương Đình L, sinh ngày 26/8/2022 cho chị H nuôi dưỡng. Chị H, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh H1 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H1, chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, cháu H2.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng.

CH2ển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Ninh Bình theo biên lai số 0002147 ngày 23/10/2025 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải chịu. (*Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Ninh Bình.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực x - Ninh Bình;
- UBND xã B, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.